TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Tấn Lãm
2. Bà Nguyễn Thị Mùa
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên toà.*

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1981

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Nguyễn Xuân Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/10/2018. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không

hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau, vợ chồng hiện nay vẫn sống chung với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Xuân Q:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, ông Q đều vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về "Ly hôn", do nguyên đơn bà Hoàng Thị N thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Xuân Q có địa chỉ tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Q đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông Q tự nguyên chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày

11/10/2018. Như vậy hôn nhân giữa bà N với ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Bà N có yêu cầu được ly hôn với lý do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà N được ly hôn với ông Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH*;*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; các điều 14; 15; 16; 57, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N được ly hôn ông Nguyễn Xuân Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Không có

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

1.4. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006362 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;*
- *UBND xã Bình Thắng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết